

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 749/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khoái.

2. Ông Đoàn Văn Rỹ .

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 914/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2020 về việc: “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Lê Thái Vân A**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: B19 Cư xá P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

**Bị đơn: Ông Lâm Thế T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 1/1B Đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 29/1E/11 Đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09/10/2020, bản tự khai ngày 16/12/2020 và 20/05/2021, các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 20/05/2021, ngày 23/12/2021, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Lê Thái Vân A trình bày:

Bà Lê Thái Vân A và ông Lâm Thế T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp tính tình, bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống

và đã xảy ra cãi vã rất nhiều lần. Mâu thuẫn không được giải quyết và kéo dài một thời gian dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Vì thế mà bà Vân A thấy rằng mâu thuẫn của hai vợ chồng đã không thể hòa giải được nữa, tình cảm vợ chồng không còn do thời gian ly thân đã lâu. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà Vân A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Thế T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Bảo N, sinh ngày: 17/02/2015 và Lâm Gia L, sinh ngày: 03/02/2017. Sau khi ly hôn, bà Vân A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lâm Gia L, giao cháu Lâm Bảo N cho ông Lâm Thế T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Bà Lê Thái Vân A xác định không có.

Về nợ chung: Bà Lê Thái Vân A tự khai vợ chồng không thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn: Ông Lâm Thế T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thu được lời khai và không hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 - Bà Hoàng Thị Vân phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn. Con chung: Có 02 con chung tên Lâm Bảo N, sinh ngày: 17/02/2015 và Lâm Gia L, sinh ngày: 03/02/2017. Sau khi ly hôn giao con chung là cháu Lâm Gia L cho bà Lê Thái Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lâm Bảo N giao cho ông Lâm Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Tài sản chung, nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà Vân A phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Lê Thái Vân A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Lâm Thế T nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông Lâm Thế T nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 24/5/2022 bà Lê Thái Vân A có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông Lâm Thế T. Do bà Vân A bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Lê Thái Vân A và ông Lâm Thế T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/KH, quyển số 1/2008 ngày 06/6/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà Vân A yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2020 và bản tự khai ngày 16/12/2020, bà Vân A yêu cầu được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình phát sinh là do vợ chồng không hòa hợp về tính tình dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn không được giải quyết. Dù bà Vân A cũng đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hòa giải được. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải nhưng ông T vẫn cố tình không đến, chứng tỏ ông T không còn tha thiết muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà Vân A, vì vậy yêu cầu của bà Vân A là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Lê Thái Vân A và ông Lâm Thế T có hai con chung tên Lâm Bảo N, sinh ngày: 17/02/2015 và Lâm Gia L, sinh ngày: 03/02/2017. Khi vợ chồng bà A ông T ly thân cháu Lâm Gia L do bà Vân A đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Lâm Bảo N do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Lâm Bảo N cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với cha là ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo lợi ích, điều kiện sống, sinh hoạt ổn định, nguyện vọng của trẻ, xét việc yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Lâm Gia L, giao trẻ Lâm Bảo N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào của bà Vân A không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Ông Lâm Thế T và bà Lê Thái Vân A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung: Bà Lê Thái Vân A tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thái Vân A tự khai xác nhận không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà Vân A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Ông Lâm Thế T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lâm Thế T.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thái Vân A ly hôn ông Lâm Thế T

Về con chung: Bà Lê Thái Vân A và ông Lâm Thế T có hai con chung tên Lâm Bảo N, sinh ngày: 17/02/2015 và Lâm Gia L, sinh ngày: 03/02/2017. Giao trẻ Lâm Gia L cho bà Lê Thái Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Lâm Bảo N cho ông Lâm Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bà Lê Thái Vân A và ông Lâm Thế T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Lê Thái Vân A tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thái Vân A tự khai xác định không thiếu nợ ai nên tòa không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng bà Lê Thái Vân A phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 ( ba trăm ngàn ) đồng theo biên lai thu số 0044470 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Lê Thái Vân A đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND Phường 13, Quận 6,  
TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Thị Thúy Minh**